

Bản án số: 96/2023/HC-PT

Ngày: 24/02/2023

*Khiếu kiện Hủy Quyết định giải quyết
khiếu nại*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hà;

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Mai;

Bà Hoàng Thị Bích Hải;

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Nhật Phong - Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Hoàng, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 24 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa công khai xét xử vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số 361/2022/TLPT-HC ngày 06 tháng 9 năm 2022 về việc “Khiếu kiện Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại” do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 48/2022/HCST ngày 12 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố H.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 882/2023/QĐ-PT ngày 06 tháng 02 năm 2023 giữa:

*** Người khởi kiện:** Ông Lê Hồng S, sinh năm 1952 và bà Bùi Thị Kim L, sinh năm 1954; Điều trú tại: Số 30, Ngõ 466 H1, phường B, quận T, Thành phố H (Điều có mặt).

Đại diện theo ủy quyền của ông S là anh Lê Khánh V, sinh năm 1987; trú tại: Số 30, Ngõ 466 H1, phường B, quận T, Thành phố H (Có mặt).

*** Người bị kiện:**

1. Chủ tịch UBND quận T, thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Tuấn A – Phó chủ tịch UBND quận T (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Chủ tịch và UBND phường B, quận T.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Thanh H2 – Chủ tịch UBND phường B (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người kháng cáo: Bà Bùi Thị Kim L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, người khởi kiện trình bày như sau:

Năm 1980 bà L được Hăng phim phân một căn nhà cấp 4 tại ngõ 33 H1 (nay là ngõ 466 H1 theo Giấy phân nhà số 49 của xưởng Phim với diện tích 14m² nhà, 15m² diện tích phụ kể cả sân. Năm 1993 gia đình xây dựng lại nhà để ở như hiện nay, khi xây dựng có tận dụng chỗ đất thừa theo bị mắc kẹt ra xung quanh khoảng 10m² nên diện tích nhà xây mới khoảng 39m².

Về phần diện tích khoảng hơn 30m² phía sau nhà trước đây là bãi rác, bãi rác bị ngăn cách bởi 01 bức tường của nhà vệ sinh công cộng và 02 bức tường của cơ quan vật tư. Phần bãi rác này không có ai vào được mà chỉ có nhà bà sử dụng. Từ năm 1980 gia đình bà đã sử dụng bãi rác này để nuôi gà. Hàng năm gia đình vẫn đóng thuế sử dụng đất đầy đủ cho nhà nước với diện tích 82,8m². Phía trước nhà có lối đi vào nhà khoảng 6m² theo như Giấy phân nhà là thuộc 15m² diện tích phụ kể cả sân.

Từ năm 2006 bà đã làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận (sau đây viết tắt là GCN) quyền sử dụng đất diện tích 79,7m² nhưng do có tranh chấp với các hộ xung quanh nên UBND phường và UBND quận không làm thủ tục cấp GCN quyền sử dụng đất cho bà.

Khoảng năm 2016 UBND phường có báo gọi gia đình bà đến để làm thủ tục cấp GCN quyền sử dụng đất nhưng diện tích đất được cấp chỉ 66m² là không đảm bảo quyền lợi nên bà không làm.

Bà L đã có đơn đề nghị UBND phường cấp GCN cho gia đình bà với diện tích 82,77m² nhưng không được chấp nhận. Ngày 09/3/2020, UBND phường B ban hành Thông báo số 32/TB-UBND trả lời đơn thư của bà.

Không đồng ý với nội dung Thông báo số 32/TB-UBND ngày 09/3/2020 của UBND phường B, bà đã làm đơn khiếu nại gửi Chủ tịch UBND phường B. Chủ tịch UBND phường B đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 351/QĐ-CTUBND ngày 29/4/2020, không chấp nhận khiếu nại của bà đối với Thông báo số 32. Sau đó bà có đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND quận T. Ngày 10/7/2020, Chủ tịch UBND quận T ban hành Quyết định số 1125/QĐ-CT về việc giải quyết khiếu nại lần 2, không chấp nhận khiếu nại của bà. Nên bà đã khởi kiện đến Tòa án nhân dân thành phố H.

- Yêu cầu huỷ Thông báo số 32/TB-UBND ngày 09/3/2020 của UBND phường B.

- Yêu cầu huỷ Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 351/QĐ-CT ngày 29/4/2020 của Chủ tịch UBND phường B.

- Yêu cầu huỷ Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 1125/QĐ-CT ngày 10/7/2020 của Chủ tịch UBND quận T.

Quan điểm của UBND phường B về việc giải quyết vụ án:

Nhà đất gia đình ông Lê Hồng S, bà Bùi Thị Kim L được hăng phim Tài liệu và Khoa học TW có Quyết định số 49/HC/HP ngày 02/8/1993 phân cho bà Bùi Thị Kim L với diện tích 29m² (trong đó 14m² diện tích nhà, 15m² diện tích phụ). Năm 1998 hăng phim có Văn bản số 229/CV-TLKH ngày 23/10/1998 gửi quận và UBND phường trong đó xác định diện tích hăng phân phối là 12m², diện tích thực tế đất ở tự kê khai là 60m².

Năm 2001, các hộ khu tập thể hăng phim Tài liệu và KH TW thuộc tổ 13, cụm 3 phường B đã có đơn gửi các cơ quan kiến nghị việc gia đình ông Lê Hồng S đã lấn chiếm 53m² đất công ở khu vệ sinh và đường đi công cộng của tập thể. Ngày 07/01/2002, Hăng phim tài liệu và KH TW đã có Văn bản số 03/PTLKH gửi UBND phường B và cụm dân cư tập thể Điện ảnh xác định việc UBND phường đã tổ chức các buổi họp để yêu cầu các hộ lấn chiếm trả lại sự thông thoáng cho ngõ đi 460 H1.

Ngày 04/4/2002, Hăng phim TLKH TW có Văn bản số 93/PTLKH về việc đề nghị dỡ bỏ công xây dựng lấn chiếm của nhà ông Lê Hồng S. Tại văn bản Hăng phim đã xác định hăng phim đã cử cán bộ xuống kiểm tra việc gia đình ông Lê Hồng S lấn chiếm xây dựng là có thật và kiến nghị UBND phường có biện pháp phá dỡ công trình vi phạm.

Ngày 12/9/2003, Hăng phim có Văn bản số 202/PTLKH về việc giải quyết tình trạng tại ngõ 460 H1. Trong nội dung văn bản đã xác định Hăng phim đã họp với các hộ dân sống lâu năm và liền kề với hộ gia đình bà L: Đề nghị bà L phải trả lại đất lấn chiếm nhà vệ sinh và ngõ đi, rãnh cống thoát nước. Kiến nghị UBND phường cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm của gia đình bà L để đảm bảo an ninh trật tự trong khu dân cư và chống lấn chiếm đất công.

Năm 2009, gia đình bà L tiếp tục có việc vi phạm lấn chiếm dựng cầu thang sắt trên phần đất sử dụng chung, ngày 09/12/2009 UBND phường đã ban hành Quyết định cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm. Ngày 25/01/2010, UBND phường đã thực hiện dỡ bỏ công trình vi phạm.

Năm 2009, 2010, 2011, 2012, 2013, UBND phường có các Thông báo trả lời đơn thư của bà Bùi Thị Kim L đều xác định gia đình bà có việc vi phạm lấn chiếm đất đai, vi phạm trật tự xây dựng, lấn chiếm ngõ đi công.

Căn cứ Văn bản số 574/TN&MT ngày 04/12/2019 của phòng Tài nguyên và Môi trường quận T về việc bổ sung hồ sơ cấp GCN quyền sử dụng đất: Ngày 10/12/2019, UBND phường có Văn bản số 359/UBND-ĐCXD về việc hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ cấp GCN quyền sử dụng đất đối với gia đình bà Bùi Thị Kim L. Nội dung đề nghị hoàn thiện: “Đề nghị gia đình ông (bà) cung cấp và làm rõ diện tích đang sử dụng tăng so với diện tích được phân 14m² nhà, 15m² diện tích phụ và sân; Đề nghị chỉnh sửa hồ sơ KTTĐ, diện tích đất đề nghị cấp Giấy chứng nhận tăng so với bản đồ năm 1994 (phần kê khai ra đất nông nghiệp đi chung)”. Sau khi có Văn bản hướng dẫn của UBND phường, bà Bùi Thị Kim L không thống nhất và liên tục đến UBND phường đề nghị cấp GCN quyền sử dụng đất cho gia đình bà trong đó có phần diện tích nông nghiệp đi chung.

+ Về Thông báo số 32/TB-UBND ngày 09/3/2020 của UBND phường; Quyết định số 351/QĐ-CTUBND ngày 29/4/2020 của Chủ tịch UBND phường B về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Bùi Thị Kim L, ông Lê Hồng S, Địa chỉ số 30, ngõ 466 H1, phường B, quận T, thành phố H.

- Nội dung vụ việc đã được UBND phường trả lời tại Thông báo số 32/TB-UBND ngày 09/3/2020: Ngày 26/12/2019, UBND phường đã có buổi làm việc với thành phần dự họp đại diện phòng Tài nguyên Môi trường quận, lãnh đạo UBND phường, Mặt trận tổ quốc, Thanh tra nhân dân, các cán bộ chuyên môn Địa chính, Tư pháp, Đô Thị phường, các ông bà cán bộ khu dân cư, các hộ liền kề và bà Bùi Thị Kim L. Tại buổi làm việc các thành phần dự họp và khu dân đã xác định phía trước nhà bà Bùi Thị Kim L là nông nghiệp đi chung của khu tập thể trước đây đi ra đường H1, phía dưới hiện nay vẫn còn có cống thoát nước của khu tập thể. Do vậy UBND phường đề nghị gia đình bà L hoàn thiện hồ sơ cấp GCN quyền sử dụng đất đối với phần diện tích sử dụng riêng không có nông nghiệp đi chung.

- Không đồng ý với Thông báo số 32/TB-UBND ngày 09/3/2020 của UBND phường, gia đình ông bà đã có đơn khiếu nại. Ngày 29/4/2020, UBND phường đã có Quyết định số 351/QĐ-CTUBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Bùi Thị Kim L, ông Lê Hồng S, Địa chỉ số 30, ngõ 466 H1, phường B, quận T, H (lần đầu).

Ngày 10/7/2020, UBND quận T ban hành Quyết định số 1125/QĐ-CT Về việc giải quyết khiếu nại của bà Bùi Thị Kim L, ông Lê Hồng S, Địa chỉ số 30, ngõ 466 H1, phường B, quận T, H (lần hai). Trong đó có việc xác định nội dung ông Lê Hồng S, bà Bùi Thị Kim L khiếu nại Thông báo số 32/TB-UBND ngày 09/3/2020 của UBND phường là sai; giữ nguyên nội dung Thông báo số 32/TB-UBND ngày 09/3/2020 của UBND phường B.

- Năm 1983: Giám đốc XN phim Tài liệu và Khoa học TW có Quyết định số 425 HC/TLKH sắp xếp nơi ở cho bà Bùi Thị L với diện tích 42m².

- Năm 1993: Diện tích được phân 29m² (trong đó 14m² nhà, 15m² diện tích phụ). Được phân theo Quyết định số 49/HC ngày 02/8/1993.

- Năm 1993: Theo Văn bản số 229/CV-TLKH ngày 23/10/1998 về việc thống kê diện tích nhà ở của CB, CNV các khu tập thể của Hãng phim Tài liệu và khoa học TW. Danh sách kèm theo có ghi diện tích được phân 12m², diện tích đất ở tự kê khai là 60m².

- Bản đồ năm 1994: Tờ bản đồ số 8G.III.25, diện tích 82,3m² (diện tích đo cả ngõ đi chung, đường cống thoát nước, đo cả ngõ trước nhà ông Nguyễn Hữu N chủ sử dụng liền kề vào đất nhà bà L).

- Năm 1997: Ngày 12/10/1997, gia đình bà L có đơn xin một ít đất kệt giáp nhà vệ sinh của khu tập thể để làm công trình phụ (đơn được một số ông bà khu tập thể và Hãng phim tài liệu đồng ý) không ghi diện tích.

- Năm 2004: Biên bản đo đạc xác định diện tích đang sử dụng của Hãng Phim tài liệu và KH TW đo ngày 13/8/2004 đo hiện trạng ghi diện tích 80m².

- Năm 2007: Bản trích đo 1430/2007/HSKY ngày 08/10/2007 do Công ty TNHH NN MTV đo diện tích 79,7m² (gồm cả phần ngõ, cống thoát nước chung).

- Ngày 14/8/2012, gia đình bà Bùi Thị Kim L có đơn đề nghị cấp GCN quyền sử dụng đất 79,7m². Ngày 01/11/2012, UBND phường có Thông báo nội dung đề nghị của gia đình bà Bùi Thị Kim L với diện tích 79,7m² không thực hiện được do gia đình kê khai cả 14,5m² đất thuộc ngõ sử dụng chung đang có tranh chấp khiếu kiện; diện tích không có tranh chấp đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận là 65,2m² (theo hiện trạng nhà).

Năm 2019: gia đình bà Bùi Thị Kim L kê khai cấp GCN quyền sử dụng đất (hồ sơ và bản vẽ HSKT) kê khai 75,1m² (gồm diện tích theo hiện trạng nhà và một phần sân phía trước bằng mép của gia đình ông Nguyễn Hữu N). Trên cơ sở đề nghị của gia đình bà L, ngày 14/01/2019 UBND phường có Tờ trình số 69/TT-UBND đề nghị cấp GCN quyền sử dụng đất cho gia đình bà L với diện tích đất 75,1m², diện tích xây dựng nhà 66m², diện tích sử dụng nhà 132m².

Quan điểm của UBND phường về Thông báo số 32/TB-UBND ngày 09/3/2020 của UBND phường; Quyết định số 351/QĐ-CTUBND ngày 29/4/2020 của Chủ tịch UBND phường B về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Bùi Thị Kim L, ông Lê Hồng S, Địa chỉ số 30, ngõ 466 H1, phường B, quận T, H.

UBND phường B giữ nguyên các văn bản: Thông báo số 32/TB-UBND ngày 09/3/2020 của UBND phường; Quyết định số 351/QĐ-CTUBND ngày 29/4/2020 của Chủ tịch UBND phường B về việc giải quyết đơn thư của bà L, ông S. Đối với diện tích đề nghị cấp GCN quyền sử dụng đất theo kiến nghị của gia đình bà L trong đó có cả một phần diện tích ngõ đi chung và đường cống thoát nước chung vẫn đang sử dụng của khu dân cư có đơn tranh chấp. Do vậy,

việc giải quyết đơn thư, giải quyết khiếu nại đối với gia đình bà L là hoàn toàn có căn cứ. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của Chủ tịch UBND quận T về việc giải quyết vụ án:

Trả lời của UBND phường B tại Thông báo số 32/TB-UBND ngày 09/3/2020 là phù hợp nguồn gốc, quá trình sử dụng đất của ông S, bà L tại địa chỉ số 30, ngõ 466 H1, phường B, quận T, H. Do vậy, tại Điều 1 Quyết định số 1125/QĐ-CT ngày 10/7/2020 của Chủ tịch quận T đã giữ nguyên Thông báo số 32/TB-UBND ngày 09/3/2020 của UBND phường B về việc trả lời đơn thư của bà L. UBND quận T giữ nguyên quan điểm đã giải quyết, không chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 1125/QĐ-CT ngày 10/7/2020 của Chủ tịch quận T.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 48/2022/HCST ngày 12 tháng 5 năm 2022, Tòa án nhân dân thành phố H đã quyết định:

Áp dụng khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 30, Điều 32, khoản 1 Điều 158; Khoản 1, Điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194; Điều 204; Điều 206; Khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính; Luật Phí và Lệ phí; Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hồng S, bà Bùi Thị Kim L về việc hủy Quyết định số 1125/QĐ-CT ngày 10/7/2020 của Chủ tịch UBND quận T; Quyết định số 351/QĐ-CTUBND ngày 29/4/2020 của Chủ tịch UBND phường B; Thông báo số 32/TB-UBND ngày 09/3/2020 của UBND phường B về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Lê Hồng S, bà Bùi Thị Kim L.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 17/5/2022, người khởi kiện là bà Bùi Thị Kim L có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, phía người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi phân tích tài liệu có trong hồ sơ thì thấy Tòa án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông S, bà L là đúng quy định. Tại phiên tòa phúc thẩm, phía người khởi kiện không xuất trình được tài liệu mới bảo vệ cho quan điểm của mình nên không có căn cứ để xem xét kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các bên đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận và nghị án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ngày 06/5/2021, ông Lê Hồng S và bà Bùi Thị Kim L có đơn khởi kiện yêu cầu hủy: Quyết định số 1125/QĐ-CT ngày 10/7/2020 của Chủ tịch UBND quận T; Quyết định số 351/QĐ-CTUBND ngày 29/4/2020 của Chủ tịch UBND phường B và Thông báo số 32/TB-UBND của UBND phường B nên vụ án được Tòa án nhân dân thành phố H thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền và còn trong thời hiệu khởi kiện theo khoản 3 Điều 3, Điều 30, khoản 4 Điều 32 và điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

[2] Bản án sơ thẩm xác định về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện, về quyết định hành chính liên quan, về tư cách những người tham gia tố tụng trong vụ án đúng quy định pháp luật. Việc chứng minh, thu thập chứng cứ đã được thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định tại chương VI Luật Tổ tụng hành chính. Đơn kháng cáo của bà Bùi Thị Kim L trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của người bị kiện là Chủ tịch UBND quận T, Chủ tịch và UBND phường B, quận T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 225 Luật Tổ tụng hành chính, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3]. Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá tính hợp pháp của các quyết định hành chính, theo đó:

[3.1] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành:

Quyết định số 351/QĐ-CTUBND ngày 29/4/2020 của Chủ tịch UBND phường B về giải quyết khiếu nại lần đầu; Quyết định số 1125/QĐ-UBND ngày 10/7/2020 của Chủ tịch UBND quận T về giải quyết khiếu nại lần 2; Thông báo số 32/TB-UBND ngày 09/3/2020 của UBND phường B được ban hành đúng trình tự, thủ tục, theo quy định của pháp luật và đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 17, 18, 31 Luật Khiếu nại; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại; Luật Đất đai.

[3.2] Về nội dung, căn cứ ban hành Quyết định:

Xét về nguồn gốc đất: Ngày 26/8/1983, Giám đốc Hãng phim tài liệu và khoa học Trung ương có Quyết định số 425/HC/TLKH xếp nơi ở mới cho bà Bùi Thị Kim L công tác tại Phòng Tài vụ hiện ở tập thể 22 H1 đến ở phòng số 02 sau dãy nhà 14 gian mới xây thuộc khu tập thể 33 H1 với diện tích 12m² giáp Tổng Cục thiết bị.

Ngày 02/8/1993, Giám đốc Hãng phim tài liệu và khoa học trung ương có Quyết định số 49/HC/HP phân cho bà Bùi Thị Kim L công tác tại Phòng Tài chính kế toán với diện tích 14m² nhà, 15m² diện tích phụ kể cả sân thuộc tập thể 33 H1, riêng phía sau hố xí không được phép sử dụng.

Ngày 12/7/1997, bà Bùi Thị Kim L có đơn gửi Ban Giám đốc Hãng phim tài liệu và khoa học trung ương trình bày “chỗ gần nhà vệ sinh của bà còn một phần đất bị bao bọc bởi bức tường không có lối vào, gia đình bà muốn xin chỗ đất đó để làm công trình phụ” (không cụ thể diện tích là bao nhiêu m²). Ngày 15/10/1997, ông Lê Mạnh T1 - Phó Giám đốc Hãng phim tài liệu và khoa học trung ương ghi dưới đơn của bà L với nội dung: “Qua ý kiến đề nghị của chị L, xin ý kiến trong khu tập thể 33A bàn bạc thống nhất với nhau, đồng ý nhưng với điều kiện bà L phải cải tạo lại hồ xí cho tập thể theo đúng cam kết, xây bức tường phía sau lên 2m, lợp ngói xi măng, xây lại bức tường phía trước cao lên, làm rãnh đánh bóng chỗ đi rải, làm toàn bộ hệ thống thoát nước cho khu vệ sinh, làm đúng vị trí tường cũ, cấm không được lấn chiếm, làm không đúng như lời cam kết, bà L hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Ban giám đốc và khu tập thể”.

Ngày 23/10/1998, Hãng phim tài liệu và khoa học Trung ương có Công văn số 229/CV-TLKH gửi Chi Cục thuế quận T, UBND phường B và T2 về việc thống kê diện tích nhà ở của CB, CNV các khu tập thể với nội dung: “Sau khi Hãng phim tài liệu và khoa học trung ương gửi Công văn số 166/CV-TCHP ngày 6/8/1998 tới Chi Cục thuế quận T, các đ/c đã đến Hãng làm việc và cùng nhau thỏa thuận: Chi cục chuyển cho Hãng các tờ khai nộp thuế đất để Hãng phim phát tới từng hộ, gia đình tự kê khai diện tích thực tế đang sử dụng. Trên cơ sở đó, Hãng thống kê và chuyển lại Chi Cục thuế để Chi Cục có cơ sở thu thuế đất”, tại văn bản này số diện tích đất kê khai nộp thuế của chủ hộ Lê Hồng S cụ thể là: Diện tích Hãng phân phối 12m²; Diện tích đất ở tự kê khai 60m².

Tại tờ bản đồ số 8G.III.25, diện tích đất là 82,3m² bao gồm diện tích đất đo cả ngõ đi chung, đường cống thoát nước, đo cả ngõ trước nhà ông Nguyễn Hữu N chủ sử dụng đất liền kề vào đất nhà bà L,

Ngày 13/8/1004, tại Biên bản đo đạc xác định diện tích đất đang sử dụng của Hãng phim tài liệu khoa học TW đo hiện trạng diện tích đất là 80m².

Tại Bản trích đo số 1430/2007/HSKY ngày 08/10/2007 của Công ty TNHH NN MTV đo diện tích là 79,7m² gồm cả phần ngõ, cống thoát nước chung.

Ngày 14/8/2012, gia đình bà L có đơn đề nghị cấp GCN quyền sử dụng đất 79,9m². Ngày 01/11/2012, UBND phường B có Thông báo số 105/TB-UBND nội dung đề nghị cấp GCN quyền sử dụng đất của gia đình bà L với diện tích 79,7m² không thực hiện được do gia đình kê khai cả 14,5m² đất thuộc ngõ sử dụng chung đang có tranh chấp khiếu kiện, diện tích không có tranh chấp đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận là 65,2m² theo hiện trạng nhà.

Sơ đồ hiện trạng sử dụng đất đo ngày 17/12/2021 kèm theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, đo diện tích hiện trạng là 81,7m² (trong đó bao gồm 8,0m² sân và 8,5m² ngõ đi chung).

Nhận thấy, Công văn số 166/CV-TCHP ngày 06/8/1998 của Hãng phim tài liệu và khoa học Trung ương gửi Chi Cục thuế quận T về diện tích đất kê khai nộp thuế, trong đó thể hiện bà L tự kê khai diện tích đất nộp thuế theo diện tích Hãng phân phối 12m²; Diện tích đất ở tự kê khai nộp thuế là 60m² đất (Bà L đã nộp thuế sử dụng đất ở hàng năm cho Nhà nước từ năm 1998 đến nay với diện tích đất tự kê khai là 60m²); Thông báo số 105/TB-UBND ngày 01/11/2012 của UBND phường B thì diện tích đất không có tranh chấp đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận cho bà L là 65,2m² theo hiện trạng nhà là có cơ sở để chấp nhận, còn diện tích đất kê khai cả 14,5m² đất thuộc ngõ sử dụng chung đang có tranh chấp khiếu kiện là không thực hiện được; Sơ đồ hiện trạng sử dụng đất đo ngày 17/12/2021 kèm theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, đo diện tích hiện trạng là 81,7m² (trong đó bao gồm 8,0m² sân và 8,5m² ngõ đi chung). Như vậy, theo đơn khởi kiện, bà L, ông S yêu cầu cấp GCN quyền sử dụng đất theo bản đồ năm 2018 xác định ranh giới, mốc giới thửa đất với diện tích 84,4m² đất (bao gồm cả đất thuộc ngõ sử dụng chung, cống thoát nước) là không có cơ sở để chấp nhận.

Việc ông S, bà L đề nghị UBND quận T cấp GCN quyền sử dụng đất cho 79,7m² đất bao gồm cả 14,5m² đất là phần ngõ, cống thoát nước chung. Chủ tịch UBND quận T ban hành Quyết định số 1125/QĐ-CT ngày 10/7/2020, Chủ tịch UBND phường B ban hành Quyết định số 351/QĐ-CTUBND ngày 29/4/2020 và Thông báo số 32/TB-UBND ngày 09/3/2020 giải quyết đơn khiếu nại của ông S, bà L về việc cấp GCN quyền sử dụng đất. Phần diện tích đất gia đình bà L sử dụng có một phần lấn chiếm ngõ đi, hiện đang có đơn thư tranh chấp, không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Căn cứ khoản 4, Điều 21, khoản 1, Điều 22 của Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, việc Phòng Tài nguyên Môi trường quận T và UBND phường B đề nghị bà L hoàn thiện hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích sử dụng riêng không có ngõ đi là có căn cứ.

Việc trả lời của UBND phường B tại Thông báo số 32/TB-UBND ngày 09/3/2020 giải quyết đơn khiếu nại của ông S, bà L về việc cấp GCN quyền sử dụng đất là phù hợp nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất của ông Lê Hồng S và bà Bùi Thị Kim L tại địa chỉ 30 ngõ 466 H1, phường B, quận T, thành phố H.

Từ những phân tích trên, Tòa án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông S bà L là có căn cứ. Từ đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà Bùi Thị Kim L như ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa.

[4]. Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Bùi Thị Kim L phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Xét bà L là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí hành chính phúc thẩm cho bà L.

Từ nhận định trên, căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện là bà Bùi Thị Kim L; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 48/2022/HCST ngày 12 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố H;

2. Về án phí: Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho bà Bùi Thị Kim L.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực ngay sau khi tuyên án.

*** Nơi nhận:**

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Cục THADS thành phố Hà Nội;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Vũ Thị Thu Hà